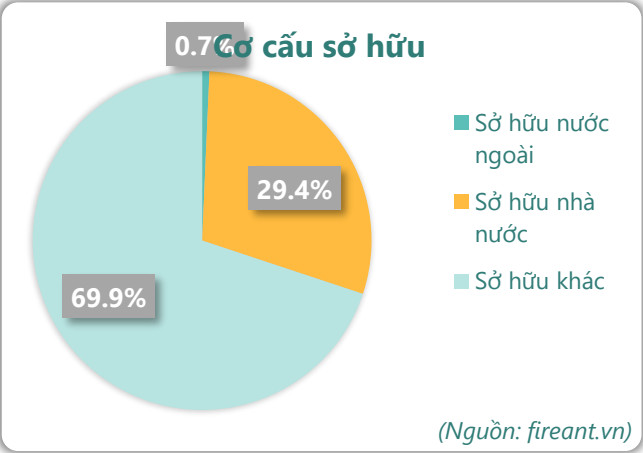


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng

Ngày 31/03/2024	14,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.1%	-0.7%	-4.7%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	13,200 - 20,989
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	28
Số lượng CPLH (CP)	1,925,658
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,050
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.30
EPS	1,608
P/E	8.9



DT thuần Q1/24
3.19
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.27 -28.5%
YoY: ▼2.16 -40.4%

LN thuần Q1/24
0.12
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.48 134%
YoY: ▼0.14 -52.6%

LN sau thuế Q1/24
0.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.40 138%
YoY: ▼0.10 -47.2%

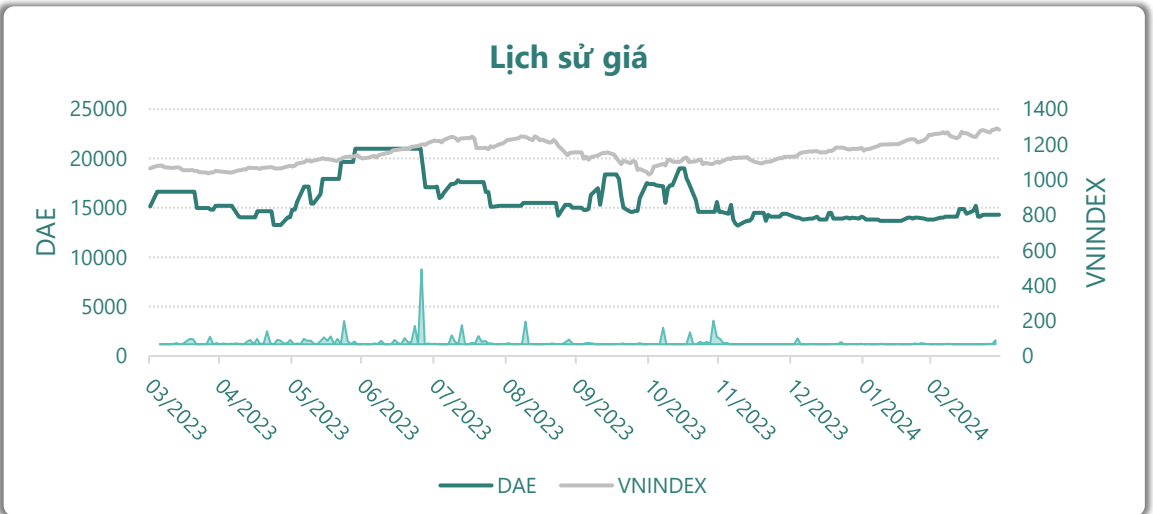
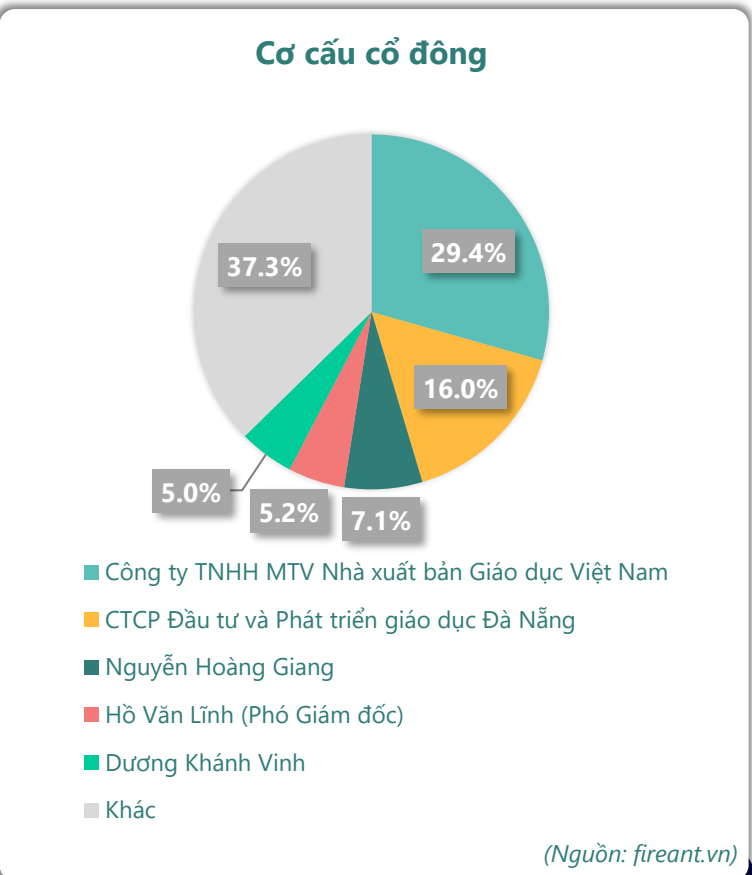
Tỷ suất lãi EBIT Q1/24
4.3%
YoY: +/-▲ 12.3%

ROE (TTM) Q1/24
7.6%
YoY: +/-▼ 0.3%

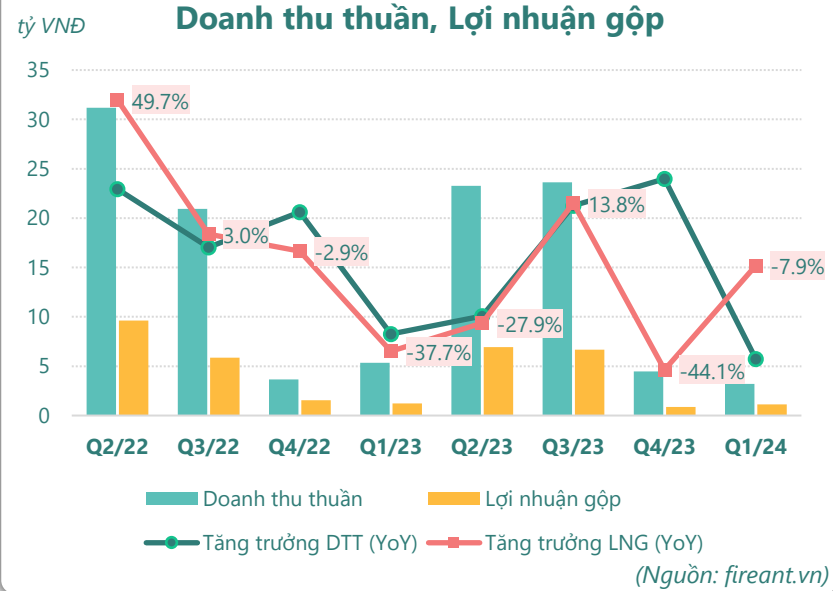
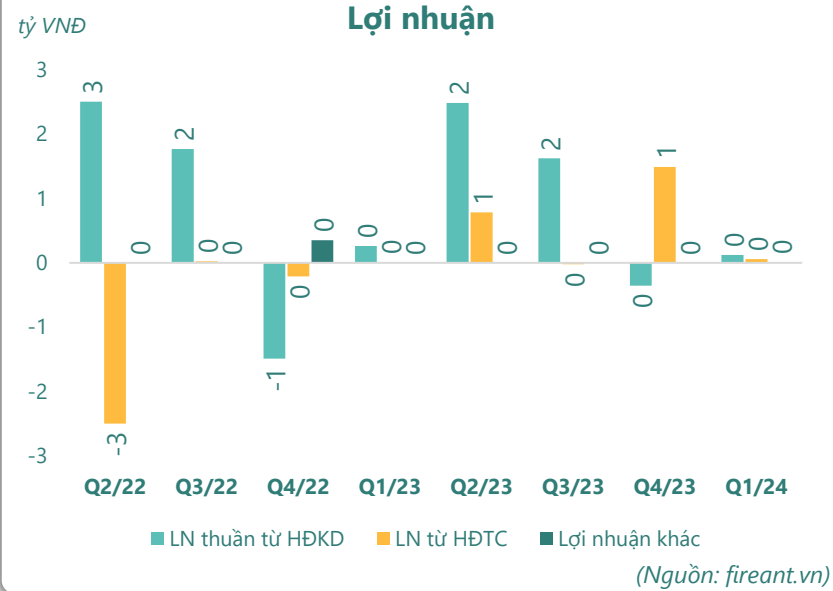
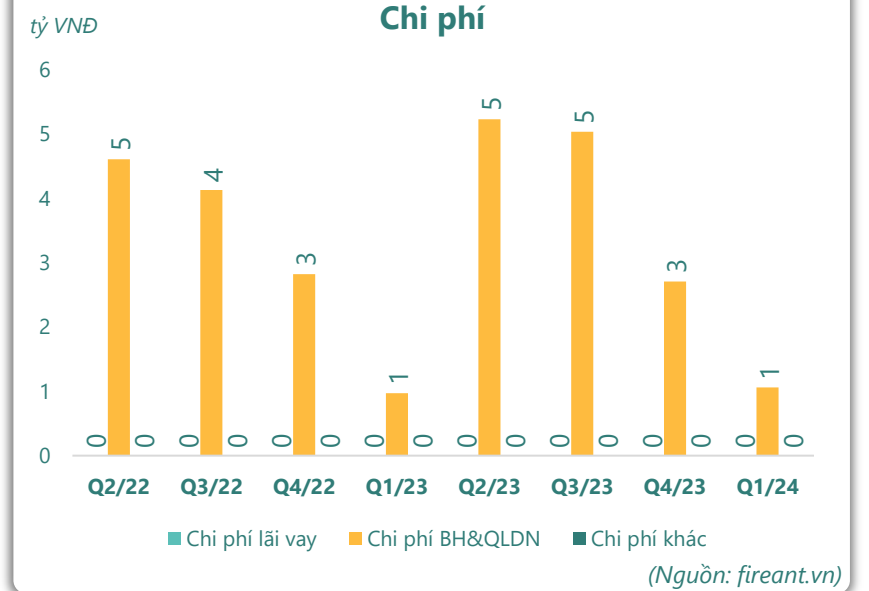
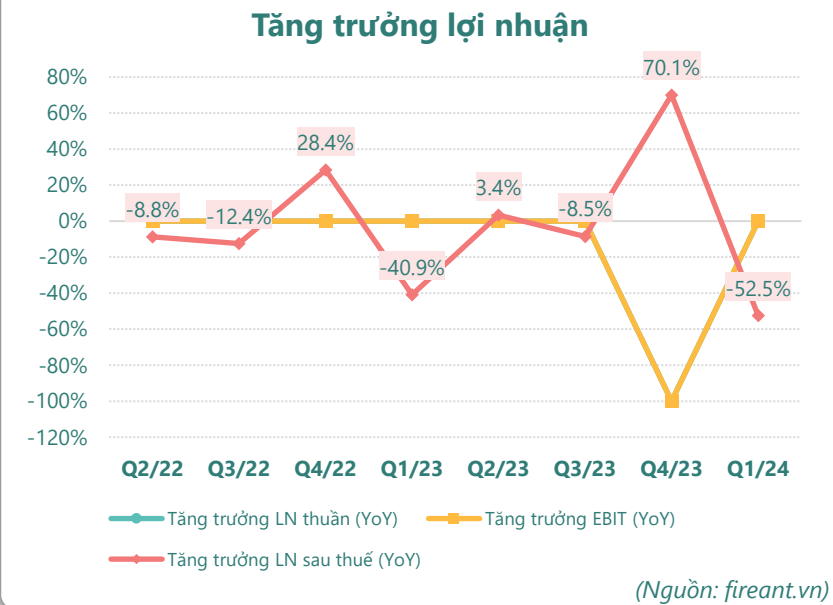
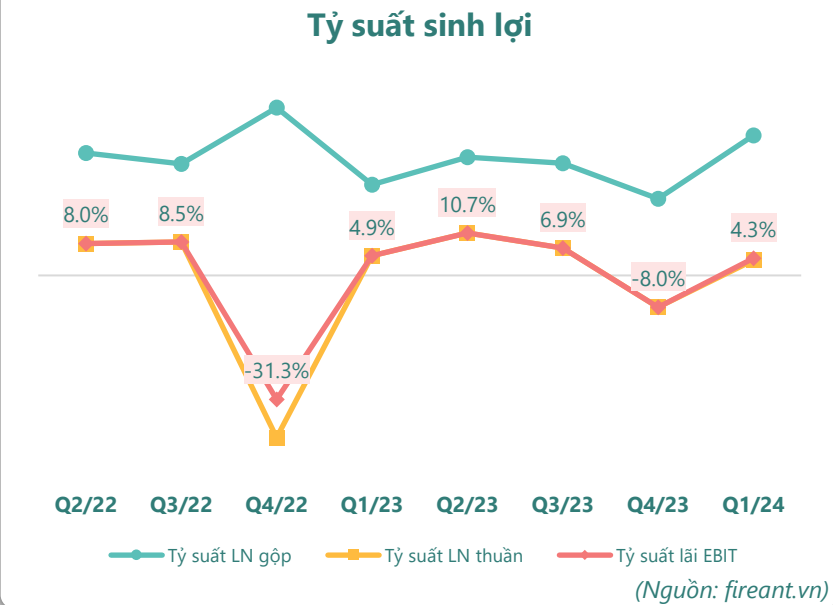
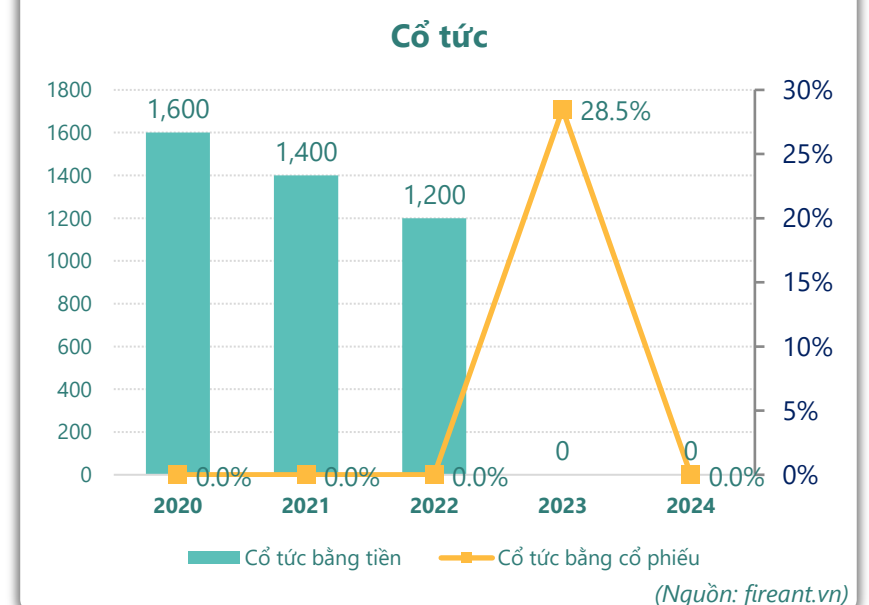
DT thuần 2023
56.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.90 -10.9%

LN thuần 2023
4.02
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.77 23.6%

LN sau thuế 2023
3.19
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.32 11.2%



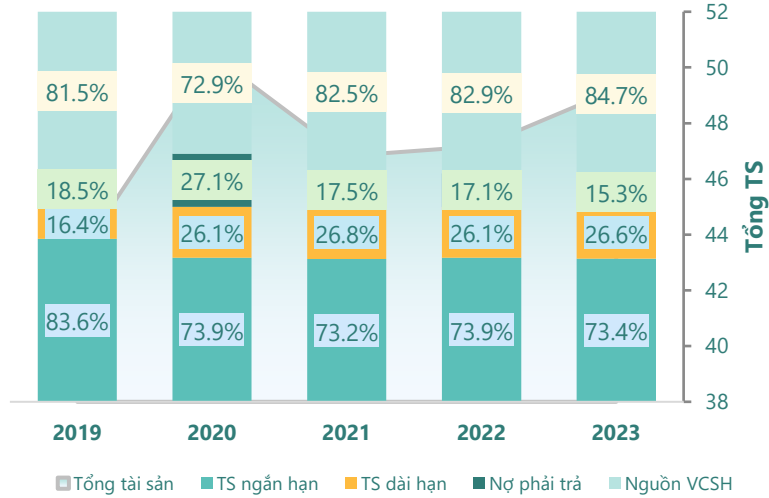
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

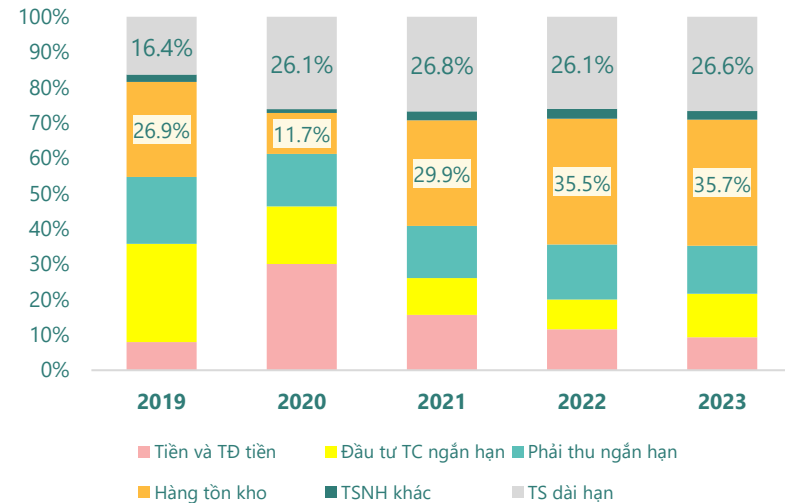
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

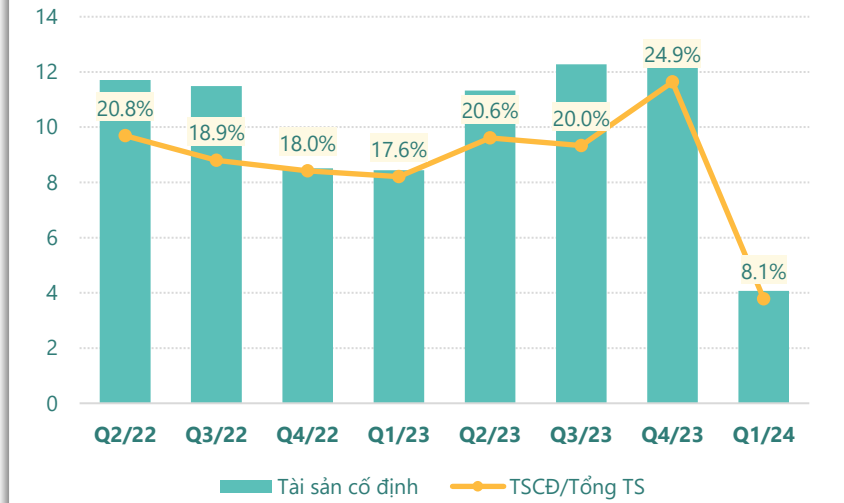
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

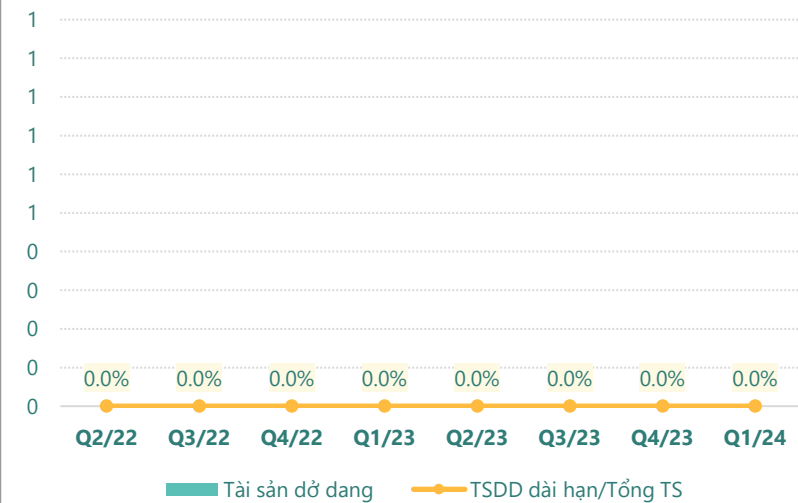
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

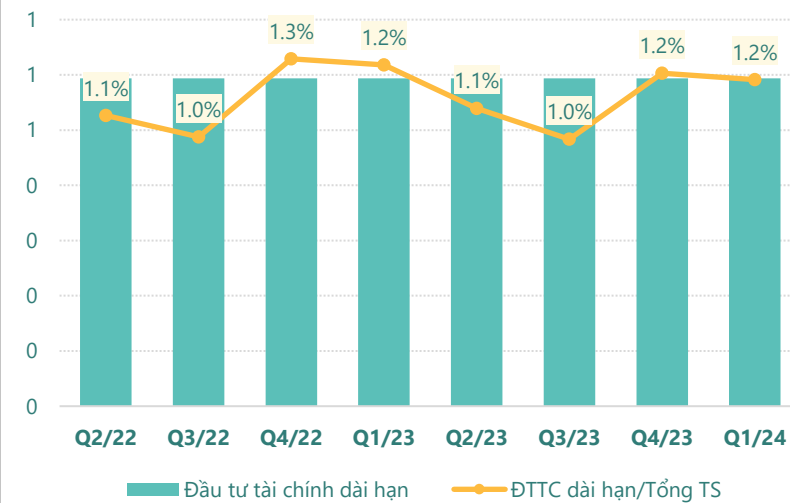
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

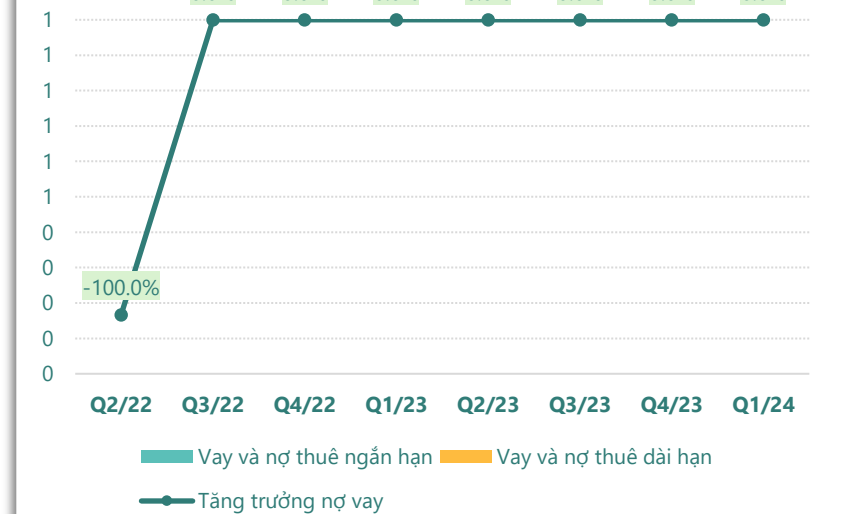
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

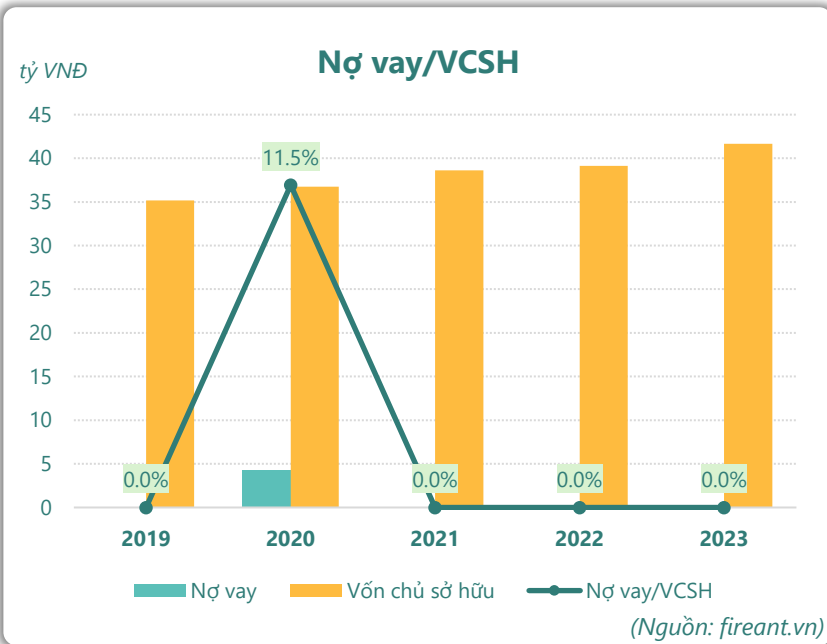
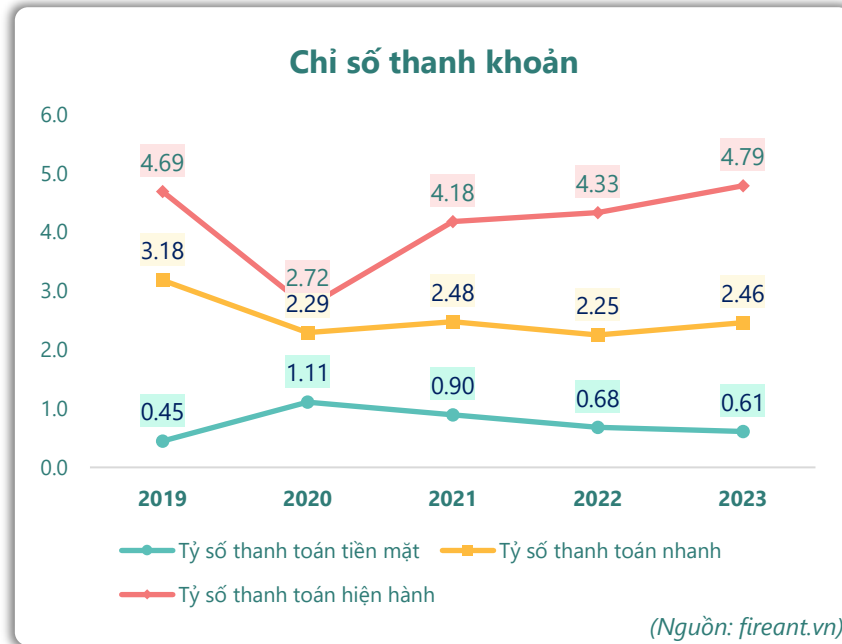
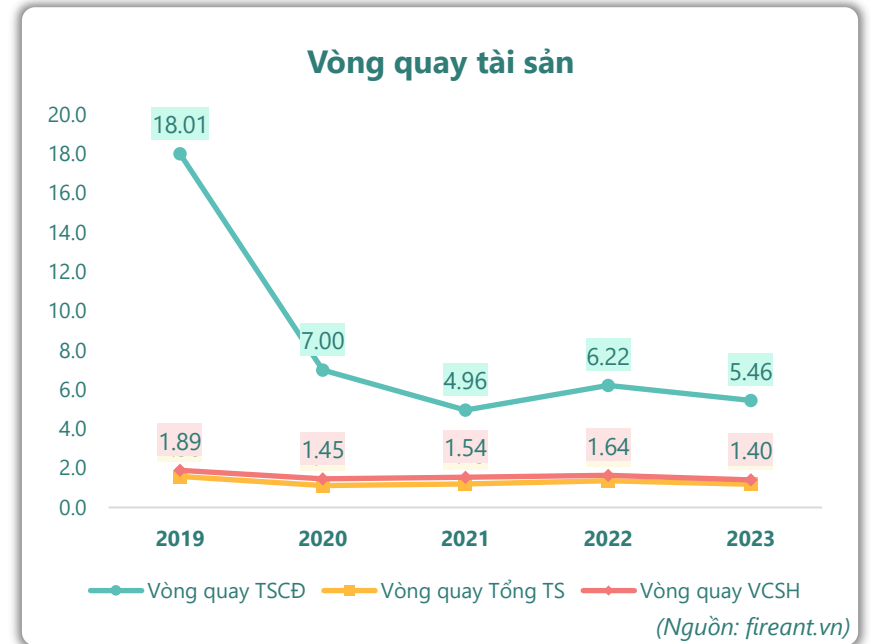
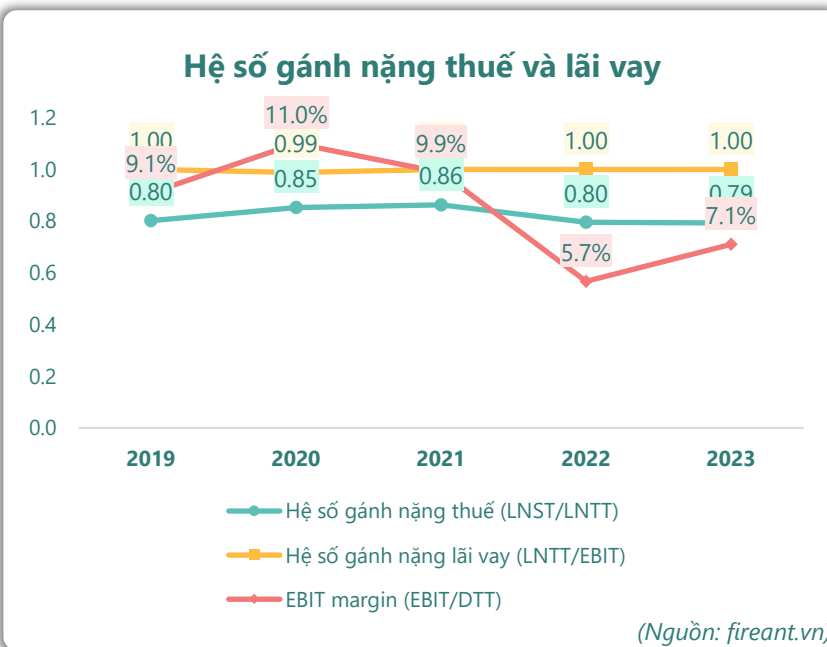
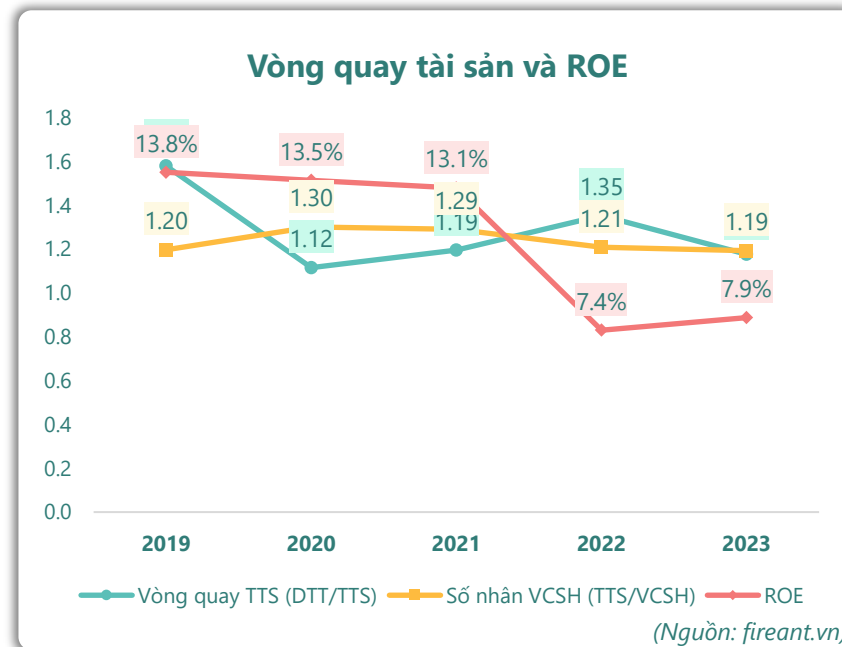
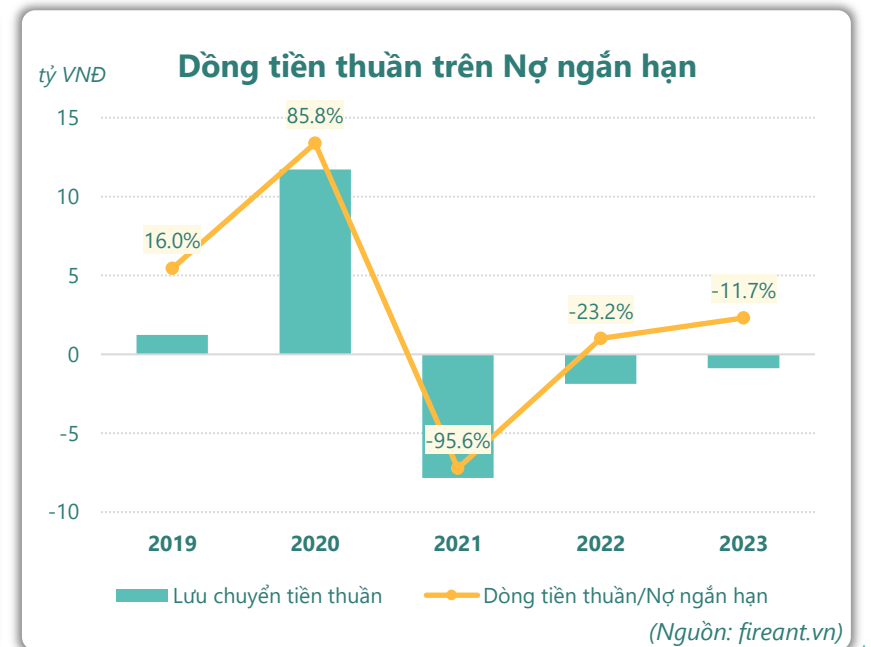
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	3.19	5.35	-40.4%	56.7	63.6	-10.9%
Giá vốn hàng bán	2.06	4.12	-49.9%	41.0	44.6	-8.1%
Lợi nhuận gộp	1.13	1.22	-7.6%	15.7	19.0	-17.3%
Doanh thu HĐTC	0.06	0.01	481%	0.32	1.51	-79.2%
Chi phí TC	0.00	0.00		-1.95	4.02	-149%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.00	-100%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.30	0.17	74.8%	5.75	5.45	5.6%
Chi phí QLDN	0.76	0.80	-4.5%	8.20	7.80	5.2%
LN thuần từ HĐKD	0.12	0.26	-52.6%	4.02	3.25	23.6%
Lợi nhuận khác	0.02	0.00		0	0.35	-100%
LN trước thuế	0.14	0.26	-46.7%	4.02	3.60	11.6%
Lợi nhuận sau thuế	0.11	0.21	-47.2%	3.19	2.87	11.2%
LNST của CĐ cty mẹ	0.11	0.21	-47.2%	3.19	2.87	11.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.05	-4.62	2.94	4.23	-3.54	-3.77
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.60	0.01	2.15	-0.12	-1.92	0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.75	0	0	0	-0.01	0
Tiền đầu kỳ	9.87	5.47	0.86	5.95	10.1	4.59
Lưu chuyển tiền thuần	-4.40	-4.61	5.09	4.11	-5.46	-3.73
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.47	0.86	5.95	10.1	4.59	0.86

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	50.2	49.2	2.0%
Tài sản ngắn hạn	37.9	36.1	4.9%
Tiền và tương đương tiền	0.86	4.59	-81.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.60	6.07	-7.6%
Phải thu ngắn hạn	6.25	6.68	-6.4%
Hàng tồn kho	22.6	17.6	28.9%
Tài sản ngắn hạn khác	2.54	1.21	110%
Tài sản dài hạn	12.3	13.1	-6.2%
Phải thu dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Tài sản cố định	4.07	12.3	-66.8%
Bất động sản đầu tư	8.04	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.59	0.59	0.0%
Tài sản dài hạn khác	-0.43	0.22	-296%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	8.40	7.55	11.4%
Nợ ngắn hạn	8.39	7.54	11.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.99	2.49	222%
Nợ dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	41.8	41.7	0.3%
Vốn chủ sở hữu	41.8	41.7	0.3%
Vốn điều lệ	19.3	19.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

